Phụ lục 1

UBND XÃ QUẢNG CHÂU
TRƯỜNG MẦM NON DIỄN XUÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Châu, ngày 03 tháng 09 năm 2025

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ 3-4 TUỔI .
NĂM HỌC 2025 – 2026.

Kèm theo Kế hoạch số 88/KH-TrMN ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Trường Mầm non Diễn Xuân.)

A. KHUNG THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

TT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Thời gian	Tuần
1	**Trường Mầm non của bé – Tết trung thu (4 tuần)**	08/09 -> 12/09 - Ổn định nề nếp		
		- Trường mầm non Diễn Xuân thân yêu	15/9 – 19/9	Tuần 1
		- Cô giáo và các bạn	22/9 – 26/9	Tuần 2
		- Bé vui đón tết Trung thu	29/9 - 03/10	Tuần 3
		- Đồ dùng đồ chơi của lớp	06/10 - 10/10	Tuần 4
2	**Bản thân– Ngày 20/10 (4 tuần)**	- Ngày vui của bà, của mẹ (20/10)	13/10 - 17/10	Tuần 5
		- Bé tự giới thiệu về mình	20/10 - 24/10	Tuần 6
		- Năm giác quan	27/10 - 31/10	Tuần 7
		- Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	03/11 - 07/11	Tuần 8
3	**Gia đình thân yêu của bé – Ngày hội của cô giáo (4 tuần)**	- Gia đình thân yêu.	10/11 - 14/11	Tuần 9
		- Ngày hội của cô giáo (ngày 20/11)	17/11 - 21/11	Tuần 10
		- Đồ dùng của gia đình bé	24/11 - 28/11	Tuần 11
		- Nhu cầu của gia đình bé	01/12 - 5/12	Tuần 12
4	**Những nghề bé thích – Ngày 22/12 (4 tuần)**	- Bé yêu bác nông dân	08/12 - 12/12	Tuần 13
		- Bé yêu cô chú công nhân	15/12 - 19/12	Tuần 14
		- Cháu yêu chú bộ đội	22/12 - 26/12	Tuần 15
		- Nghề truyền thống ở địa phương bé	29/12 - 02/1	Tuần 16
5	**Thế giới thực vật**	- Cây xanh và môi trường sống.	05/1 – 9/1	Tuần 17
		- Những bông hoa đẹp	12/1 – 16/1	Tuần 18

	(4 tuần)	- Chùm quả ngọt	19/1 – 23/1	Tuần 19
		- Một số loại rau củ	26/1 – 30/1	Tuần 20
6	**– Tết và mùa xuân (2 tuần)**	- Mùa xuân tươi đẹp	2/2 - 06/2	Tuần 21
		Nghỉ tết nguyên đán từ 09/02 đến 20/02/2026		
		- Ngày tết trên quê hương em	23/2- 27/2	Tuần 22
7	**Thế giới động vật- Ngày 8/3 (5 tuần)**	- Ngày vui 8/3	2/3 – 6/3	Tuần 23
		- Động vật nuôi trong gia đình	9/3- 13/3	Tuần 24
		- Một số động vật sống trong rừng	16/3 – 20/3	Tuần 25
		- Động vật sống dưới nước	23/3 – 27/3	Tuần 26
		- Một số Côn trùng - Chim	30/3 – 3/4	Tuần 27
8	**Bé đi đường an toàn (3 tuần)**	- Phương tiện và qui định giao thông đường bộ.	6/4 – 10/4	Tuần 28
		- Phương tiện giao thông đường thuỷ .	13/4 – 17/4	Tuần 29
		- Phương tiện giao thông đường không, đường sắt	20/4 – 24/4	Tuần 30
9	**Nước và 1 số hiện tượng thiên nhiên (3 tuần)**	- Một số hiện tượng tự nhiên	27/4 - 1/5	Tuần 31
		- Sự kỳ diệu của nước	4/5 – 8/5	Tuần 32
		- Mùa hè đến rồi	11/5 – 15/5	Tuần 33
10	**Quê hương – Đất nước – Bác Hồ (2 tuần)**	- Nghệ An quê hương em và Bác Hồ kính yêu	18/5 – 22/5	Tuần 34
		- Quê hương yêu dấu	25/05 – 29/05	Tuần 35
Tổng				**35 tuần**

B. KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE

Nội dung	**Phương pháp hình thức thực hiện**	**Người thực hiện, người phối hợp thực hiên**	**Lưu ý/ điều chỉnh**

1. Tổ chức bữa ăn	***a. Số lượng và chất lượng bữa ăn:*** - Số bữa ăn: Một bữa chính và một bữa phụ. - Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi: - Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một cả ngày: 615 - 726 Kcal. - Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. - Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu: + Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13%- 20% năng lượng khẩu phần. + Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25%- 35% năng lượng khẩu phần. + Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52%- 60% năng lượng khẩu phần. - Bữa ăn bán trú nên đáp ứng các tiêu chuẩn: Khuyến khích bữa chính có trên 10 loại thực phẩm và có từ 3 đến 5 loại rau, củ; thực đơn bữa chính của trẻ mẫu giáo gồm: cơm, món xào, món mặn, canh và tráng miệng; - Nhằm kích thích trẻ hứng thú tham gia hoạt động ăn tại trường, tạo cơ hội rèn kĩ năng tự phục vụ của trẻ, cần đổi mới hình thức tổ chức ăn cho trẻ như ăn tự chọn, bữa ăn gia đình, ăn bằng khay… nhưng vẫn phải đảm bảo nguyên tắc vệ sinh toàn toàn thực phẩm, cân đối các chất dinh dưỡng, công bằng với trẻ trong hoạt động ăn - XD thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. - Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Nước uống cho trẻ phải được đun sôi kỹ hoặc sử dụng nước uống đóng chai đã được kiểm nghiệm và đựng trong bình hay ấm có nắp đậy kín và sử dụng trong ngày, không được dùng nước sôi để 2-3 ngày vẫn sử dụng lại. Mùa đông chú ý ủ nước ấm cho trẻ uống. ***b. Chăm sóc bữa ăn*** ** Trước khi ăn:* - Chuẩn bị đầy đủ bàn ghế, khăn, đĩa, lọ hoa, giấy lau,... - Tổ chức cho trẻ ăn tại lớp phải đảm bảo thoáng mát, không kê bàn ăn sát nhau, đảm bảo khoảng cách giữa các	CBQL, Giáo viên, Phụ huynh	

	trẻ, giáo dục trẻ kỹ năng vệ sinh trước và sau khi ăn; ** Trong khi ăn:* - Kết hợp giáo dục trẻ hành vi vệ sinh văn minh trong ăn uống: biết mời cô và các bạn trước khi bắt đầu ăn, ngồi ăn ngay ngắn, không co chân lên ghế, ăn từ tốn, nhai kĩ, không nói chuyện và đùa nghịch trong khi ăn. Giáo viên cần tạo không khí vui vẻ trong khi ăn. - Cần quan tâm hơn đối với những trẻ mới đi học, trẻ mới tập ăn, trẻ biếng ăn, trẻ ăn chậm, trẻ yếu hay trẻ mới ốm dậy. - Khi trẻ có biểu hiện ăn kém, cô giáo phải tìm hiểu nguyên nhân để tìm biện pháp hỗ trợ trẻ. - Chú ý đề phòng nguy cơ trẻ bị hóc, sặc trong khi cho trẻ ăn và cô cần nắm được thao tác sơ, cấp cứu khi trẻ bị hóc, sặc, ngạt, tắc đường thở. Nhà trường có thể thay đổi các hình thức tổ chức bữa ăn theo ngày hoặc mỗi tuần 1 bữa (ăn tự chọn, bữa ăn gia đình..) để cho trẻ có hứng thú trong bữa ăn, rèn kỹ năng tự phục vụ nhưng phải đảm bảo an toàn phẩm và dinh dưỡng cho trẻ ** Sau khi ăn:* - Giáo viên hướng dẫn trẻ cất bát thìa, ghế vào nơi qui định nhắc trẻ lau miệng, uống nước, đi vệ sinh. Súc miệng trước khi đi ngủ để tránh trẻ ngậm thức ăn trong miệng và không bị sâu răng. - Đồ dùng cá nhân khăn mặt, ca cốc uống nước, phải có ký hiệu đảm bảo an toàn vệ sinh và tuyệt đối không được dùng chung; - Nhà trường phối hợp phụ huynh để kiểm tra giám sát việc chuẩn bị tổ chức bữa ăn cho trẻ tại nhà bếp và nhóm lớp để nhắc nhở, điều chỉnh kịp thời khi thấy những việc chưa phù hợp. - Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (150 phút). - Gối, chiếu cho trẻ ngủ phải được giặt, phơi thường xuyên không để ẩm mốc		

2. Tổ chức giấc ngủ	**** Trước lúc cho trẻ ngủ:*** - Kiểm tra xem trẻ có ngậm thức ăn trong miệng không, nhắc trẻ có thói quen uống nước trước khi đi ngủ. - Tập cho trẻ tự đi vệ sinh, lấy chăn gối (phù hợp với tầng độ tuổi); - Kiểm tra số trẻ trong lớp tránh trường hợp trẻ đi ra ngoài lớp. Giáo viên chú ý cởi bớt quần áo cho trẻ trước lúc ngủ (đối với mùa đông). **** Trong khi ngủ*** - Giáo viên phải trực để quan sát trẻ, xử lý kịp thời các tình huống có thể xẩy ra trong khi ngủ. - Thời gian trẻ mới đến trường chưa quen ngủ trưa, lạ lớp, lạ bạn, lạ môi trường trẻ khó ngủ giáo viên động viên trẻ và có thể cho trẻ ngủ sau, không được dọa nạt, phạt mắng trẻ. Giáo viên động viên trẻ nói nhỏ nhẹ không làm ảnh hưởng đến giấc ngủ bạn khác **** Sau khi thức dậy*** - Giáo viên cần quan tâm đến những trẻ đang muốn ngủ, ngái ngủ có thể cho trẻ dậy sau tránh thức giấc đột ngọt làm ảnh hưởng đến tâm lý trẻ, trẻ mệt mỏi không muốn tham gia hoạt động chiều. - Tập cho trẻ thói quen đi vệ sinh sau khi ngủ dậy, cất gối, chiếu vào nơi qui định, cho trẻ chơi 1 trò chơi chuyển tiếp hoặc trò chuyện, hát để tập cho trẻ thoải mái trước khi vào ăn bữa phụ.	- Giáo viên chủ nhiệm	
3. Tổ chức vệ sinh	***a.Vệ sinh cô:*** - Đối với giáo viên khi thực hiện chăm sóc trẻ: Đảm bảo quần, áo, đầu tóc gọn gàng, móng tay được cắt ngắn, trước lúc cho trẻ ăn hoặc tiếp xúc với thức ăn, chăm sóc trẻ bàn tay luôn được vệ sinh sạch sẽ, rửa tay bằng xà phòng. Đeo khẩu trang khi chia thức ăn cho trẻ - Khám sức khỏe định kỳ hàng năm ***b. Vệ sinh cá nhân trẻ*** - Yêu cầu phải chuẩn bị đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho trẻ và đồ dùng phải có ký hiệu riêng, tuyệt đối không được dùng chung. - Tập cho trẻ thói quen vệ sinh rửa tay sau khi học, chơi xong, trước và sau khi ăn, vệ sinh khi tay bẩn; nhà trường phải chuẩn bị đủ cho các lớp nước rửa tay hoặc	Giáo viên và bảo vệ	

	xà phòng (xà phòng, nước rửa tay, dung dịch sát khuẩn phải để ở vị trí thích hợp tiện cho trẻ khi sử dụng). - Các lớp đều có giấy vệ sinh cho trẻ đảm bảo chất lượng; có khăn giấy để cho trẻ lau mũi khi cần và giấy tại nhà vệ sinh. - Trong vệ sinh cá nhân yêu cầu giáo viên cần quan tâm đến trẻ trong giờ đón, trả trẻ tránh trường hợp quần áo có mùi mồ hôi đến lớp sẽ không đảm bảo vệ sinh cho bạn ngồi bên cạnh (nhắc phụ huynh đưa thêm quần áo dự phòng để gv có thể tắm, thay quần áo cho trẻ khi cần thiết). - Trong thời điểm có dịch bệnh xẩy ra yêu cầu giáo viên thực hiện tốt việc chăm sóc vệ sinh cá nhân cho trẻ; hướng dẫn trẻ súc miệng, Giáo viên có thể pha nước muối thoảng để tại lớp cho trẻ súc miệng. - Quần áo, dày dép của trẻ phải đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng, tuyền truyền, phối hợp với phụ huynh rèn cho trẻ thói quen chăm sóc vệ sinh cá nhân, mặc quần áo phù hợp với mùa. ***c. Vệ sinh môi trường nhóm, lớp*** ** Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi:* - Xây dựng lịch để vệ sinh lau chùi đồ dùng, đồ chơi hàng tuần, hằng ngày tùy theo điều kiện của lớp học; Làm sao đồ dùng đồ chơi không bị bụi bẩn, trần nhà, cửa sổ không có bụi bẩn, sắp xếp phòng kho của lớp gọn gàng, khoa học để dễ lấy, để chất tránh đồ dùng chất đầy, luộm thuộm trong kho nên hằng ngày giáo viên lười không đưa ra sử dụng. - Đồ dùng cốc uống nước, thìa, bát được rửa sạch và tiệt trùng hằng ngày bằng nước sôi hoặc hấp sấy; - Đồ dùng bàn ghế mỗi tuần vệ sinh lau rửa 1 lần; Chăn gối được phơi thường xuyên khi có nắng, giặt mỗi tuần, hoặc vài tuần một lần tùy điều kiện thực tế của nhà trường nhưng phải đảm bảo VS. - Nhà vệ sinh của trẻ: Nhà vệ sinh cần được cọ rửa sạch sẽ hằng ngày trước khi ra về. Hàng tuần tổng vệ sinh toàn bộ khu vực này. + Dùng dung dịch sát khuẩn có chứa clo để tẩy rửa bề mặt sàn nhà vệ sinh và bồn cầu. Rửa sạch thảm chống		

	trượt bằng xà phòng. Lau khô sàn nhà vệ sinh, không để ẩm và ứ đọng nước. + Nền nhà vệ sinh luôn phải khô ráo. + Phải cất các sản phẩm tẩy rửa ở nơi an toàn. + Không có mùi hôi khai của nước tiểu và phân. + Không dùng khoá cửa trong nhà vệ sinh của trẻ. + Mùa đông pha nước ấm cho trẻ rửa tay, lau mặt. + Không để giấy vệ sinh bên cạnh nguồn nước. Sử dụng thùng chứa có nắp cho giấy vệ sinh đã qua sử dụng. + Hướng dẫn và giám sát trẻ thực hiện đúng kĩ năng vệ sinh (giáo viên hỗ trợ trẻ đối với trẻ nhỏ chưa thực hiện được các kĩ năng vệ sinh). + Kiểm soát thời gian đi vệ sinh của trẻ ** Xử lý rác và nước thải trong nhà trường* - Phải có thùng rác tại các lớp: Vừa đảm bảo vệ sinh vừa GD trẻ có ý thức bỏ rác đúng nơi qui định, thùng rác phải có nắp đậy và được xử lý hằng ngày. - Nhà trường phải chú trọng việc xử lý các nguồn nước thải trong nhà trường, thường xuyên tổ chức vệ sinh khơi thông cống rãnh tránh nước ứ đọng. - Chú ý nguồn nước sinh hoạt, nếu có hiện tượng bẩn, khăn ố màu phải kiểm tra và xử lý ngồn nước sinh hoạt.		
4. Tổ chức chăm sóc sức khỏe và an toàn	***a. Chăm sóc sức khỏe*** ** Kiểm tra sức khỏe* - Trong năm học, nhà trường phối hợp với Bệnh viên Đa khoa Phủ Diễn tổ chức kiểm tra sức khỏe cho trẻ 1 lần/ năm nhằm phát hiện sớm bệnh tật của trẻ, có biện pháp điều trị thích hợp. - Lưu ý khi kiểm tra sức khỏe cho trẻ cần phải ghi đầy đủ các nội dung yêu cầu tại sổ sức khỏe; thông báo kết quả cho cha mẹ trẻ biết sau khi kiểm tra sức khỏe ** Theo dõi quá trình phát triển thể lực của trẻ.* - Theo dõi biểu đồ phát triển trẻ về chỉ số cân nặng và chiều cao - Theo dõi cân nặng 3 tháng/lần (vào tháng 9, 12/2025 và tháng 3/2026); theo dõi chiều cao 6 tháng/lần (vào tháng 9/2025 và tháng 3/2026) - Đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi mỗi tháng 1 lần: có sổ ghi chép và đánh giá sự tiến bộ của trẻ, đưa	- CBQL - Giáo viên chủ nhiệm - Nhân viên y tế, - Trạm y tế xã, - Phụ huynh	

	ra các giải pháp để phối hợp phụ huynh chăm sóc trẻ. ***b. Phòng và xử lý các bệnh thường gặp:*** - Phối hợp với trung tâm y tế tuyền truyền với phụ huynh thực hiện đúng lịch tiêm chủng; tuyên truyền cho phụ huynh hiểu được một số tác dụng phụ sau khi trẻ đi tiêm chủng. - Phòng tránh một số dịch bệnh thường xẩy ra ở trẻ, và một số dịch bệnh đang lây lan trên địa bàn. Chú ý khi trẻ trong nhà trường bị nhiều trẻ mắc một số bệnh (sốt vi rút, quai bị, sở, thủy đậu…) cần báo cho gia đình và trung tâm y tế biết để phối hợp xử lý tránh lây lan trong nhà trường. ***c. Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ bị ốm*** - Bồi dưỡng cho giáo viên cách phát hiện trẻ bị ốm (Sốt, ho, viên đg hô hấp, tiêu chảy..) cách phát hiện các triệu chứng của các bệnh thường gặp ở trẻ, chăm sóc trẻ khi sốt, ho ỉa chảy - Xây dựng tủ thuốc nhà trường yêu cầu có những loại cơ bản sau: + Thuốc sát trùng ngoài da (cồn 70%, Cồn iốt loãng 2,5%). + Thuốc hạ sốt. + OERSOL. + Thuốc nhỏ mắt trẻ em + Nhiệt kế, kéo, kẹp bông (pince), các loại nẹp, băng vải để cố định khi có trẻ bị gãy xương. + Bông thấm nước, gạc sạch, băng cuộn, băng dính, dầu cao. Lưu ý: Tủ thuốc để tại phòng y tế, thuốc có nhãn mác và hạn sử dụng, tủ thuốc phải được khóa là giữ sạch sẽ không để các thứ khác vào tủ thuốc. Giáo viên không được tự ý dùng kháng sinh cho trẻ và các loại thuốc khác khi chưa có sự hướng dẫn của nhân viên y tế. Nếu trẻ bị mệt phụ huynh gửi thuốc nhờ cho trẻ uống thì cần phải có sổ ghi rõ các loại thuốc, phụ huynh hướng dẫn nhờ cho trẻ uống và có sự ký nhận, ký gửi giữa phụ huynh và giáo viên. ***d. Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn***		

	thường gặp - Xây dựng phương án đảm bảo an toàn phù hợp với từng nhà trường và địa phương, đặc biệt chú ý đến phòng bệnh tay chân miệng, bệnh thủy đậu… - Chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh để thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an toàn cho trẻ. - Phối hợp trung tâm y tế để BD cho giáo viên về kỹ năng xử trí một số tai nạn thường gặp ở trẻ.		
5. Chăm sóc trẻ khuyết tật	- Để đảm bảo quyền lợi và chế độ chính sách cho trẻ thì nhà trường phải tuyên truyền hướng dẫn cho gia đình làm HS cho trẻ để trẻ được quan tâm, chăm sóc để phát triển những khiếm khuyết của cơ thể trẻ. - Đối với những nhóm lớp có trẻ khuyết tật, giáo viên phải nắm rõ mức độ khuyết tật của trẻ; tìm hiểu nhu cầu và khả năng của trẻ + Sự phát triển về thể chất + Khả năng ngôn ngữ và giao tiếp + Khả năng nhận thức + Quan hệ xã hội + Môi trường phát triển của trẻ - Xây dựng kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ đạt hiệu quả đặc biệt là làm tốt công tác tuyên truyền phối hợp với gia đình, phụ huynh, các ban ngành đoàn thể, cán bộ y tế, chính quyền địa phương để thực hiện có hiệu quả công tác chăm sóc GD trẻ hòa nhập.	CBQL, giáo viên, phụ huynh, các ban ngành đoàn thể, cán bộ y tế, chính quyền địa phương và cộng đồng	

C. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
a. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
MT1. Trẻ khỏe mạnh, cân nặng, chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi - Trẻ trai: + Cân nặng: 12,7 - 21,2 kg + Chiều cao: 94,9cm - 111,7cm - Trẻ gái: + Cân nặng: 12,3 - 21,5 kg + Chiều cao: 94,1cm - 111,3cm.	- Ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng - Vệ sinh trong ăn uống và vệ sinh cá nhân sạch sẽ - Tập các bài tập thể dục thường xuyên - Cân đo và khám sức khỏe định kỳ - Nhận biết trẻ béo phì và suy dinh dưỡng. Tìm ra nguyên nhân của béo phì và suy dinh dưỡng.
MT2. Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn	Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc

vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).	
MT3. Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau…	
MT4. Trẻ biết được ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì…)
MT5. Trẻ biết thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất, cởi quần, áo….	- Làm quen cách đánh răng, lau mặt - Tập rửa tay bằng xà phòng - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh - **GDKNS**: Đánh răng đúng cách Bé đi tất, đi dày Tập cởi quần, áo
MT6. Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách	- Cầm bát, thìa, cốc đúng cách. - GDKNS: Tập cầm bát, thìa, cốc.
MT7. Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi …	- Biết tự xúc ăn không làm rơi vãi, đổ thức ăn. - Biết giữ gìn vệ sinh văn minh trong bữa ăn, không nói chuyện, không tranh giành đồ dùng của bạn. - Rèn luyện thói quen ăn chín, uống sôi.
MT8. Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người - Nhận biết trang phục theo thời tiết **GDKNS**: Chọn quần áo phù hợp thời tiết; Tập mặc, cởi quần, áo, đi tất, đi giày… - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm
MT9. Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (Bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng khi được nhắc nhở - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ **- GDKNS**: Tránh xa vật dụng nguy hiểm; Những nơi nguy hiểm... - Trò chuyện sáng phương pháp Unis
MT10. Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (Ao, hồ, bể chứa nước, giếng, hố vôi…) khi được nhắc nhở.	
MT11. Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở:	

- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Không tự lấy thuốc uống - Không leo trèo bàn ghế, lan can - Không nghịch các vật sắc nhọn - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường, lớp	
b. Phát triển vận động	
MT12. Trẻ biết thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	- Chú ý và tập theo cô được các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp. (Theo các chủ đề trong năm học) **- Hô hấp:** Hít vào, thở ra **- Tay :** + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. +Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực **- Lưng bụng, lườn:** + Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. **- Chân:** + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân.
MT13. Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m) - Đi kiễng gót liên tục 3m MT14. Trẻ kiểm soát được vận động: - Đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh - Chạy liên tục trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài	- Giữ thăng bằng cơ thể và kiểm soát được vận động: + Đi kiễng gót. + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Đi, chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc. + Đi trong đường hẹp + Chạy liên tục trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài - Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát - Đi bước dồn ngang - Đi trên vạch kẻ thẳng - Đi bằng gót chân - Đi bằng gót chân trong đường dích dắc
MT15. Trẻ phối hợp tay - mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với cô: Bắt được 3 lần liền không rơi bóng (Khoảng cách 2,5 m) - Tự đập - bắt bóng được 3 lần	- Tung bóng lên cao và bắt. - Tung bắt bóng với người đối diện. - Đập và bắt bóng tại chỗ. - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. - Ném trúng đích bằng 1 tay. - Tự đập - bắt bóng được 3 lần liền (đường kính bóng 18cm).

liền (Đường kính bóng 18 cm).	- Tung bắt bóng với cô - Tung bong lên cao bằng 2 tay - Chuyền bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc - Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân - Lăn bóng cho bạn - Lăn bóng vào lưới - Ném trúng đích thẳng đứng
MT16. Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng - Ném trúng đích ngang (Xa 1,5m) - Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài	- Đi trong đường hẹp, bước lên xuống bục cao - Đi kiễng gót, bò chui qua cổng - Đi trên vạch kẻ thẳng, ném xa bằng 1 tay - Bật tại chỗ - Bật xa, ném đích đứng - Bước lên xuống bục cao 30 cm - Bật liên tục về phía trước - Bật xa 20 - 25 cm - Bật xa, ném trúng đích ngang (xa 1,5 m - Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). - Bật tách chân khép chân qua 5 ô. - Bật qua vật cản cao10 - 15cm. - Nhảy lò cò 3m - Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m. - Bò dích dắc qua 5 điểm. - Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m. - Bò theo hướng thẳng - Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m). Đập bắt bóng - Bò chui qua cổng - Bò trong đường dích dắc - Bò trong đường hẹp, ném đích ngang - Trườn về phía trước - Trườn chui qua dây - Trườn theo đường dích dắc - Trườn theo hướng thẳng. - Trườn chui qua dây + Trèo qua ghế dài1,5m x 30cm. + Trèo lên, xuống 5 gióng thang.
MT17. Trẻ thực hiện được các vận động: - Xoay tròn cổ tay - Gập, đan ngón tay vào nhau	- Chú ý và thực hiện các vận động: + Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. + Đan, tết.
MT18. Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: - Vẽ được hình tròn theo mẫu - Cắt thẳng được một đoạn 10cm	- Phối hợp cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay – mắt trong một số hoạt động: + Xếp chồng các hình khối khác nhau. + Xé, dán giấy. + Sử dụng kéo, bút.

- Xếp chồng 8 - 10 khối không đổ - Tự cài, cởi cúc...	+ Tô vẽ nguệch ngoạc. + Cài, cởi cúc. GDKNS: Cài mở cúc áo,...
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC.	
a. Khám phá khoa học	
MT19. Trẻ quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi như: Chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	- Sự vật: Người, đồ vật, con vật, cây cối, phương tiện giao thông… - Hiện trượng. + Nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ + Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm + Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày + Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây cối + Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày + Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi
MT20. Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng quen thuộc khi được hỏi	
MT21. Trẻ sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: Nhìn, nghe, ngửi, sờ...để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng	Cảm nhận giác quan của 1 số bộ phận trên cơ thể khi xem xét, tìm hiểu sự vật (Người, hoa, quả, con vật, cây cối, phương tiện giao thông...) và các hiện tượng...
MT22. Trẻ làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	- Thí nghiệm nước đổi màu - Chơi chong chóng gió - Chơi thổi bong bóng xà phòng Montessori: Trải và cuộn thảm - Thí nghiệm Stem: Vật chìm, nổi
MT23. Trẻ thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	- Làm một số thí nghiệm đơn giản Stem: Thí nghiệm khoa học với dầu và nước - Xem sách, tranh ảnh, trò chuyện
MT24. Trẻ mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo	- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể: + Các giác quan kỳ diệu + Cái miệng xinh + Cơ thể bé và các bạn + Đôi bàn tay xinh + Đôi chân thật đáng yêu - Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi + Đồ dùng cho bé + Đồ dùng của lớp
MT25. Trẻ phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	

	+ Đồ chơi bé thích + Đồ dùng gia đình bé... + **GDKNS**: Tránh xa những vật dụng nguy hiểm - Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc + Phương tiện giao thông đường bộ + Một số quy định cho người đi bộ + Đèn tín hiệu giao thông + Phương tiện giao thông đường thủy + Phương tiện giao thông đường sắt, đường không + **GDKNS**: Tập ngồi xe đạp, xe máy; Tập đội mũ bảo hiểm... - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi + Con vật nuôi trong gia đình + Con vật sống trong rừng + Con vật sống dưới nước + Những chú chim xinh + Những con vật biết bay + Bé yêu cây xanh + Những bông hoa đẹp + Những loại quả bé thích + **GDKNS**: Tập nhổ cỏ; Lau lá cây; Nhặt lá vàng rơi... - Trò chuyện sáng phương pháp Unis
MT26. Trẻ thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình…	- Chơi đóng vai (Bắt chước các hành động của những người gần gũi như chuẩn bị bữa ăn của mẹ, bác sĩ khám bệnh, công việc của bác nông dân, chú bộ đội...) - Hát các bài hát về hoa, quả, con vật... - Vẽ, xé, dán, nặn con vật, hoa, quả, đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông đơn giản...
b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán.	
MT27. Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 + 1 và nhiều + Đếm đến 2, nhận biết các nhóm có 2 đối tượng + Đếm đến 3, nhận biết nhóm có 3 đối tượng + Đếm đến 4, nhận biết nhóm có 4 đối tượng + Đếm đến 5, nhận biết nhóm có 5 đối tượng
MT28. Trẻ đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5	

MT29. Trẻ so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- Đếm theo khả năng
MT30. Trẻ gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5. Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm	Gộp hai nhóm đối tượng và đếm. Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn
MT31. Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (Mẫu) và sao chép lại	- Ghép đôi - Xếp tương ứng 1-1
MT32. Trẻ so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: To hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau	+ So sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau. + So sánh về độ lớn của 2 đối tượng và nói được từ: To hơn, nhỏ hơn. + So sánh về chiều cao của 2 đối tượng và nói được từ: Cao hơn, thấp hơn. + So sánh về chiều dài của 2 đối tượng và nói được từ: Dài hơn, ngắn hơn. + So sánh về chiều rộng của 2 đối tượng và nói được từ: Rộng hơn, hẹp hơn. - Xếp xen kẽ 2 đối tượng theo quy luật
MT33. Trẻ nhận dạng và gọi tên các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật	Nhận biết, gọi tên các hình (Vuông, tam giác, chữ nhật, tròn) và nhận dạng các hình đó trong thực tế: - Nhận biết: Hình vuông - hình tròn - Nhận biết: Hình tam giác - hình chữ nhật - Nhận biết các hình - Sử dụng các hình học để chắp ghép
MT34. Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân	- Nhận biết phía trên - phía dưới - phía trước - phía sau của bản thân - Nhận biết tay phải - tay trái của bản thân
c. Khám phá xã hội	
MT35. Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	Nhận biết về bản thân: Tên, tuổi, giới tính của bản thân. - Bé là ai - Bé giới thiệu về mình - Ngày sinh nhật hồng - Trò chuyện sáng phương pháp Unis

MT36. Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình. Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	Tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình. Địa chỉ của gia đình bé - Những người thân trong gia đình bé - Các thành viên trong gia đình - Ngôi nhà của bé - Nhu cầu của gia đình bé - Mừng sinh nhật mẹ... - Trò chuyện sáng phương pháp Unis
MT37. Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường: - Trường mầm non của bé - Trường bé có gì - Lớp học thân yêu - Ở trường bé làm gì - Trò chuyện sáng phương pháp Unis
MT38. Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của một số nghề phổ biến (Nghề nông, xây dựng, bác sỹ, bộ đội, giáo viên…) và nghề truyền thống ở địa phương (Sản xuất lúa, nghề mộc) khi được hỏi, xem tranh	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến: (nông dân, bác sỹ, bác thợ xây, bộ đội, giáo viên...); nghề truyền thống ở địa phương (nghề sản xuất rau sạch, nghề mộc.): - Bé biết ơn bác nông dân - Cháu yêu cô, chú công nhân - Chú bộ đội - Bé thích làm giáo viên - Bé làm bác sỹ - Nghề truyền thống ở địa phương bé
MT39. Trẻ kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu… qua trò chuyện, xem tranh ảnh	- Các ngày lễ hội: Quốc khánh 2/9, lễ hội Đền Cuông, ngày hội đến trường, ngày tết trung thu, ngày hội của các bà, các mẹ, cô giáo, ngày 20/11, ngày 22/12, ngày tết Nguyên Đán, ngày 8/3, ngày 1/5, ngày 19/5 ngày kỉ niệm sinh nhật Bác Hồ kính yêu, ngày tết thiếu nhi….
MT40. Trẻ kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh của quê hương: Đền Cuông, Quê Bác, Quảng trường Hồ Chí Minh, Cửa lò, Đền thờ Nguyễn Trung Minh (Xóm 2, Nam Xuân – xã Quảng Châu), nghĩa trang liệt sỹ xã.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
MT41. Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản. Ví dụ: "Cháu hãy lấy quả bóng ném vào rổ"	Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.
MT42. Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: Quần áo, đồ chơi, hoa, quả…	Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi quen thuộc - Đồ dùng, đồ chơi trong trường mầm non: Cầu

	trượt, bập bênh... - Đồ dùng, đồ chơi bạn trai, bạn gái: Búp bê, quần soóc, váy... - Đồ dùng trong gia đình: Bàn là, ấm điện, quạt trần... - Đồ dùng các nghề: Bảng, phấn, bai, xẻng, cuốc, kim tiêm... - Các loại hoa, quả: Hoa hồng, hoa cúc...; Quả na, quả xoài, quả dứa... - Các con vật: Chó, mèo; sư tử; cá chép... - Một số đặc điểm nổi bật của PTGT, nơi hoạt động… - Hiện tượng tự nhiên: Mưa, nắng, sấm, chớp... - Quê hương, Bác Hồ... - Trò chuyện sáng phương pháp Unis
MT43. Trẻ lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại	Trả lời và đặt các câu hỏi: "Ai?", "Cái gì?", "Ở đâu?", "Khi nào?"
MT44. Trẻ nói rõ các tiếng; nói đủ nghe, không nói lí nhí.	+ Phát âm các tiếng của Tiếng Việt + Nói rõ ràng và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
MT45. Sử dụng được câu đơn, câu ghép	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng
MT46.Trẻ biết sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... Sử dụng được câu đơn, câu ghép	+ Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... + Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép
MT47.Trẻ kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân.	Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,..
MT48. Trẻ sử dụng các từ Vâng ạ", "Dạ", "Thưa"…trong giao tiếp	Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép
MT49.Trẻ đọc thuộc được bài thơ, ca dao, đồng dao...	Nghe, đọc các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè phù hợp độ tuổi *** Thơ**: - **Chủ đề Trường mầm non - Tết Trung thu**: Bạn mới (Nguyệt Mai); Bé vẽ (Hoàng Thanh Hà); Mèo con đi học (Phạm Thị Vàng Anh); Cô giáo của con (Hà Quang); Quà Trung thu (Lê Huy Hòa); Mẹ và cô (Trần Quốc Toàn); Tình bạn (Trần Thị Hương); Làm đồ chơi, Chúng ta đều là bạn (Phạm Mai Chi); Bé không khóc nữa (Vũ Thị Minh Tâm); Trung thu của bé (Nguyễn Thị Hồng

	Vân); Bàn tay cô giáo (Định Hải); Bạn của bé (Vương Trọng)… - **Chủ đề: Bản thân - Ngày vui 20/10**: Đôi mắt của em (Lê Thị Mỹ Phương); Cái lưỡi (Lê Thị Mỹ Phương); Miệng xinh (Phạm Hổ); Bé ơi (Phong Thu); Má bảo (Hoài Nam); Thỏ bông bị ốm; Cái mũi; Đi nắng… - **Chủ đề Gia đình - Ngày 20/11**: Đồng hồ quả lắc (Ngọc Mai sưu tầm); Thăm nhà bà (Như Mạo); Luồn chỉ cho bà (Thái Thăng Long); Lòng mẹ (Cao Thị Minh Khanh); Lời chào (Nguyễn Tiến Bình); Bé ngoan (Lương Bình và Kim Tuyến sưu tầm); Lấy tăm cho bà (Định Hải); Gió từ tay mẹ (Vương Trọng); Chiếc quạt nan (Xuân Cầu); Ngôi nhà (Tô Hà); Khách đến rồi; Cô dạy… - **Chủ đề Nghề nghiệp - Ngày 22/12**: Làm nghề như bố (Thu Quỳnh sưu tầm); Các cô thợ (Thị Ngọc); Ước mơ củ bé, Em làm thợ xây(Hoàng Dân); Bé xếp nhà (Chu Huy); Chiếc cầu mới (Thái Hoàng Linh); Bác nông dân (Phương Hoa); Đi bừa (Hoàng Dân); Làm bác sỹ (Lê Ngân); Chú giải phóng quân (Cẩm Thơ) … **- Chủ đề Thế giới thực vật - Tết và mùa xuân**: Cây đào (Xuân Tửu); Tết đang vào nhà (Nguyễn Hồng Kiên); Mùa xuân (Dương Khâu Luông); Hoa đào, hoa mai (Lê Bình)… Hồ sen (Nhược Thủy); Quả; Cây dây leo (Xuân Tiến); Quả (GVMN - Phòng GD&ĐT Gia Lai); Dưa chuột (Sưu tầm); Cà rốt và củ cải (Sưu tầm); Bác bầu bác bí (Sưu tầm); Hoa kết trái (Lê Bình); Chùm quả ngọt (Tạ Hữu Nguyên); Trồng đậu trồng cà... **- Chủ đề Động vật – Ngày 8/3**: Rong và cá, Cá ngủ ở đâu, Đàn gà con (Phạm Hổ); Ong và bướm (Nhược Thủy); Con trâu (Võ Quảng); Kể cho bé nghe (Trần Đăng Khoa); Gấu qua cầu, Con khỉ (Hoàng Thị Minh Khanh), Quà 8/3, Bó hoa tặng cô, Lời chúc 8/3 của bé… **- Chủ đề Giao thông**: Xe chữa cháy (Phạm Hổ); Đèn xanh đèn đỏ (Định Hải); Giúp bà (Hoàng Thị Phỏng); Bé và mẹ (Phạm Hổ); Khuyên bạn (Nguyễn Thị Sen); Đèn giao thông (Mỹ Trang); Đàn kiến nó đi (Phạm Hổ); Qua cầu; Ô tô chạy bon bon; Ô tô buýt; Xe đổ rác… **- Chủ đề Nước và một số hiện tượng tự nhiên**:

	Mưa rơi (Trương Thị Minh Huệ); Gió (Xuân Quỳnh); Nước (Vương Trọng), Cầu vông (Phạm Thanh Quang); Nắng ấm (Phong Thu); Ông mặt trời (Ngô Thị Bích Hiến); Bình minh trong vườn (Đỗ Ngọc Hương); Nắng bốn mùa (Mai Đức); Tiết kiệm nước (Thu Thủy); Bé giữ vệ sinh môi trường (Minh Châu)… **- Chủ đề Quê hương – Đất nước - Bác Hồ**: Làng em buổi sáng (Nguyễn Đức Hậu); Quê em (Trần Đăng Khoa); Bác Hồ của em (Phan Thị Thanh Nhàn); Em vẽ Bác Hồ (Thị Ngọc); Hoa quanh lăng Bác (Nguyễn Bao); Ao làng (Nguyễn Thị Thanh); Ai dậy sớm (Võ Quảng)… *** Ca dao, đồng dao**: - Chi chi chành chành. - Nu na nu nống. - Đi cầu đi quán. - Kéo cưa lừa xẻ. - Lúa ngô là cô đậu nành. - Con kiến mà leo cành đa. - Lộn cầu vồng. - Dung dăng dung dẻ. - Đố ai đếm được lá rừng.
MT50. Trẻ kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn MT51. Trẻ biết bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	**-** Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe. Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp độ tuổi; kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe; đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên - **Chủ đề Trường mầm non - Tết Trung thu**: Đôi bạn tốt (Lê Thu Hương); Gà tơ đi học (Cẩm Linh); Món quà cô giáo (Tú Anh); Anh chàng méo mướp (Theo báo Hoạ mi); Có một bầy hươu; Bác voi tốt bụng; Mèo hoa đi học… **- Chủ đề Bản thân - Ngày 20/10**: Cậu bé mũi dài, Mỗi người một việc (Lê Thu Hương, Lê Thị Đức); Gấu con bị đau răng (Tạ Thị Liên); Món quà đặc biệt (Thanh Bình); Câu chuyện của tay trái và tay phải Lý Thị Minh Hà); Bé Minh Quân dũng cảm (Minh Hương)… **- Chủ đề Gia đình - Ngày 20/11**: Bông hoa cúc trắng (Phỏng theo truyện cổ Nhật Bản); Cháu ngoan (Hoàng Thị Cúc); Mẹ (Lưu Thị Bạch Liễu); Cháu ngoan của bà (Mai Thu Huệ); Quà tặng mẹ (Thu Hằng); Tích Chu (Phỏng theo truyện cổ tích chim cu); Ba cô tiên (Nhược Thủy); Nhổ củ cải (Phỏng theo truyện dân gian Nga); Những góc nhà

	hạnh phúc (Kim Hải); Cô bé quàng khăn đỏ (Thu Thủy kể phỏng theo truyện của Pháp); Chiếc ấm sành nở hoa… **- Chủ đề Nghề nghiệp - Ngày 22/12**: Gà trống choai và hạt đậu (Sưu tầm); Cây rau của thỏ út, Lợn và cừu (Phong Thu); Cô Bác sỹ tý hon (Thu Hằng); Người bán mũ rong (Phạm Thị Sửu, Đặng Thu Quỳnh kể phỏng theo truyện nước ngoài); Ba anh em (Phỏng theo truyện cổ Gơrim)… - **Chủ đề Thực vật - Tết và mùa xuân**: Sự tích ngày Tết; Sự tích bánh chưng, bánh giầy; Sự tích cây nêu, Hoa mào gà (Thùy Dương sưu tầm); Chú đỗ con (Viết Linh); Cỏ và lúa (Nguyễn Văn Chương); Sự tích các loại hoa (Hạ Huyền); Gói hạt kì diệu (Nguyễn Thị Mai); Hoa bìm bìm (Kim Tuyến kể); Con cáo và chùm nho (Phỏng theo truyện dân gian Nga); Ngôi nhà hoa quả (Sưu tầm)… **- Chủ đề Động vật – Ngày 8/3**: Bác gấu đen và 2 chú thỏ (Dương Đình Hy); Chú vịt xám (Thu Thủy); Ba con gấu (Minh Trang); Chú thỏ tinh khôn (Vũ Tú Nam); Ba chú lợn nhỏ (Phạm Thị Sửu, Đặng Thu Quỳnh); Gà trống và vịt bầu (Dương Thị Lam); Chú gà trống kiêu căng; Giọng hót chim Sơn Ca; Rùa con tìm nhà; Gọi mẹ; Ba người bạn; Chim thợ may; Sên và thỏ… **- Chủ đề Giao thông**: Kiến con đi ô tô (Phạm Mai Chi sưu tầm); Xe đạp con trên đường phố (Thu Hạnh); Xe lu và xe ca (Phong Thu); Ai quan trọng hơn (Sưu tầm); Chiếc đầu máy xe lửa tốt bụng; Tâm sự của vỏ hộp; Kiến thi an toàn giao thông… **- Chủ đề Nước và một số hiện tượng tự nhiên**: Gió và mặt trời (Sưu tầm); Giọt nước tí xíu (Nguyễn Linh); Nàng tiên mưa (Võ Thị Thương); Chú bé giọt nước (Hoài Khánh); Cô con út của ông mặt trời (Thu Hằng); Cóc kiên trời (Thần thoại Việt Nam); Sự tích ngày và đêm (Thu Thủy); Biển, sông và suối; Lửa, nước mưa và con hổ kiêu ngạo… **- Chủ đề Quê hương-Đất nước-Bác Hồ**: Chuyện Ông Gióng; Khen các cháu; Ai ngoan sẽ được thưởng; Niềm vui bất ngờ; Truyền thuyết "Vua Hùng trồng kê tra lúa"; Truyền thuyết "Vua hùng dạy dân cấy lúa"…

MT52. Trẻ đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh	- Xem tranh và nói được tên nhận vật trong tranh. - Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và "đọc" truyện.- Giữ gìn sách. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Vẽ, "viết" nguệch ngoạc…
MT53. Trẻ nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	
MT54. Trẻ thích vẽ, "viết" nguệch ngoạc	
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI	
MT55. Trẻ nói được điều bé thích, không thích	Những điều bé thích, không thích: Thích đến lớp không, thích bạn nào, thích món ăn gì...
MT 56.Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Chủ động và mạnh dạn tham gia vào các hoạt động,
MT57. Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...).	- Tích cực tham gia vào các hoạt động của lớp khi được cô giáo phân công, giao nhiệm vụ (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi, xếp gối, xếp bàn ghế...).
MT58. Trẻ nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc: (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.
MT59. Trẻ biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói: trò chơi, hát, vận động,
MT60. Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ Kính được thể hiện qua hành động, qua các hoạt động hàng ngày. - Nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ
MT61. Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	
MT62. Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh dành đồ chơi, vâng lời bố mẹ	Một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi; không tranh giành đồ chơi; để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; vâng lời bố mẹ, cô giáo... - Chờ đến lượt. - Chơi hòa thuận với các bạn
MT63. Trẻ chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	- Cử chỉ, lời nói lễ phép: Chào hỏi, cảm ơn… - Nhận biết hành vi đúng - sai, tốt - xấu
MT64. Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Chờ đến lượt - Lắng nghe cô và bạn nói

MT65.Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ	Chơi hoà thuận.với các bạn trong các trò chơi
MT66. Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	-Quan sát các cảnh vật thiên nhiên, chăm sóc cây cối trong khu vực trường, ở nhà... - Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối
MT67. Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường ở mọi lúc mọi nơi. - Có hành vi văn minh và nhận biết hành vi "đúng" – "sai", "tốt" – "xấu" - Tiết kiệm điện nước - Giữ gìn vệ sinh môi trường - Phân loại rác theo hướng dẫn của người lớn, bỏ rác đúng nơi quy định - **GDKNS**: Nhặt, phân loại rác; Bỏ rác đúng nơi quy định
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	
MT68. Trẻ biết vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
MT69. Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc	- Nghe các bài hát, bản nhạc (Nhạc thiếu nhi, dân ca) - Bộc lộ cảm xúc khi nghe các bài hát, bản nhạc - Vận động theo ý thích khi nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc **Chủ đề Trường mầm non - Tết Trung thu**: Ngày đầu tiên đi học (Nhạc Nguyễn Ngọc Thiện, lời Viễn Phương); Ánh trăng hòa bình (Nhạc Hồ Bắc, lời Mộng Lân); Bài ca đi học (Phan Trần Bảng); Lớp chúng mình (Phạm Tuyên); Chiếc đèn ông sao (Phạm Tuyên); Em yêu trường em (Hoàng Vân); Đi học (Bùi Đình Thảo); Chào hỏi (Trần Hoàng Tiến); Niềm vui cô nuôi dạy trẻ… **Chủ đề Bản thân - Ngày 20/10**: Thật đáng chê (Việt Anh); Năm ngón tay ngoan (Trần Văn Thụ); Hãy lắng nghe (Lê Đức - Thu Huyền); Mừng sinh nhật (Đào Ngọc Dung); Em là bông hồng nhỏ (Trịnh Công Sơn); Nắm tay thân thiết (Nhạc Hàn quốc); Chỉ có một trên đời (Trương Quang Lục); Cho con (Nhạc Phạm Trọng Cầu - thơ Tuấn Dũng); Mẹ yêu, Mừng tuổi mẹ... **Chủ đề Gia đình - Ngày 20/11**: Khúc hát ru người mẹ trẻ (Nhạc Phạm Tuyên, thơ Lâm Thị Mỹ Dạ); Ba ngọn nến lung linh (Ngọc Lễ); Cô giáo

	(Nhạc Đỗ Mạnh Thường, thơ Nguyễn Hữu Tường); Ru con (Dân ca Nam bộ); Tổ ấm gia đình (Hoàng Vân); Lời ru trên nương (Trần Hoàn); Cái cò đi đón cơn mưa (Phạm Tuyên)... **Chủ đề Nghề nghiệp - Ngày 22/12**: Hạt gạo làng ta (Nhạc Xuân Giao, thơ Trần Đăng Khoa); Xe chỉ luồn kim (Dân ca quan họ Bắc Ninh); Đi cấy (Dân ca Thanh Hóa); Chú bộ đội và cơn mưa; Ba em là công nhân lái xe; Cô giáo; Cháu thương chú bộ đội; Cháu yêu cô chú công nhân; Lớn lên cháu lái máy cày... **Chủ đề Thực vật - Tết và mùa xuân**: Lá xanh (Thái Cơ); Mùa xuân ơi (Nguyễn Ngọc Thiện); Hoa trong vườn (Dân ca Thanh Hóa); Cây trúc xinh (Dân ca quan họ Bắc Ninh); Lý cây bông (Dân ca Nam bộ); Hoa thơm bướm lượn (Dân ca quan họ Bắc Ninh); Ngày Tết quê em (Từ Huy); Em thêm một tuổi (Trương Quang Lục); Mùa xuân nho nhỏ (Trần Hoàn); Chúc xuân; Trồng cây... **Chủ đề Động vật - Ngày 08/3**: Chú ếch con (Phan Nhân); Gà gáy le te (Dân ca Cống khao); Chú voi con ở Bản Đôn (Phạm Tuyên); Con cò (Xuân Giao); Tôm cá cua thi tài (Hoàng Thị Dinh); Cò lả (Dân ca Băc bộ); Lý con sáo Gò Công, Bông hoa mừng cô, Quà mồng 8 tháng 3 ... **Chủ đề Giao thông**: Nhớ lời cô dặn (Hồng Ngọc); Anh phi công ơi (Nhạc Xuân Giao, thơ Xuân Quỳnh); Tàu hỏa (Bùi Anh Tôn); Đi trên vỉa hè bên phải (Nguyễn Thị Thanh); Con thuyền ước mơ... **Chủ đề Nước và một số hiện tượng tự nhiên**: Mưa rơi (Dân ca Xá); Nắng sớm (Hàn Ngọc Bích); Mưa bóng mây; Bé và trăng; Bốn mùa; Tôi là gió; Tia nắng hạt mưa; Mùa hè chia tay... **Chủ đề Quê hương – Đất nước - Bác Hồ**: Từ rừng xanh cháu về thăm lăng Bác (Hoàng Long, Hoàng Lân); Tiếng chim trong vườn Bác (Hàn Ngọc Bích); Nhớ giọng hát Bác Hồ (Nhạc Thanh Phúc, lời Tạ Hữu Yên); Bác Hồ người cho em tất cả (Hoàng Long, Hoàng Lân); Về quê mình Diễn Châu (Hồ Hữu Thới); Em đi giữa biển vàng (Bùi Đình Thảo); Trái đất này là của chúng mình (Trương Quang Lục); Quê hương là chùm khế ngọt; Đêm pháo hoa; Inh lả ơi; Em là chim câu

	trắng; Em mơ gặp Bác Hồ; Xòe hoa...
MT70. Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát phù hợp lứa tuổi.
MT71. Trẻ biết vận động theo nhịp điệu, (hoặc theo ý thích: vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh hoạ…) các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát - Vận động đơn giản theo nhịp điệu của bài hát, bản nhạc - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp - Vận động theo ý thích khi hát các bài hát quen thuộc **Chủ đề Trường mầm non - Tết Trung thu**: Vui đến trường (Hồ Bắc); Em đi mẫu giáo (Dương Minh Viên); Cháu đi mẫu giáo (Phạm Minh Tuân); Rước đèn dưới trăng (Phạm Tuyên); Đêm Trung thu (Phùng Như Thạch); Trường cháu đây là trường mầm non (Phạm Tuyên); Ngày vui của bé (Hoàng văn Yến); Ai ra ngoài (Phan Huỳnh Điểu); Đi dạo (Trần Hữu Du); Quả bóng (Huy Trân); Đi học về... **Chủ đề Bản thân – Ngày 20/10**: Chơi ngón tay (Nhạc Hàn Quốc); Tay thơm tay ngoan (Bùi Đình Thảo); Em ngoan hơn búp bê (Phùng Như Thạch); Hãy xoay nào (Nhạc Hàn Quốc); Nào! Chúng ta cùng tập thể dục (Thu Hiền); Mời bạn ăn (Trần Ngọc); Xòe bàn tay, nắm ngón tay (Minh Quân); Khám tay (Đào Việt Hưng); Đường và chân (Hoàng Long); Tập rửa mặt (Hồng Đăng); Tóm được rồi (Nhạc Anh, lời Việt: Lê Đức, Thu Hiền); Chúc mừng sinh nhật;... **Chủ đề Gia đình - Ngày 20/11**: Cả nhà thương nhau (Phan Văn Minh); Hoa bé ngoan (Hoàng Văn Yến); Cô và mẹ (Phạm Tuyên); Múa cho mẹ xem (Xuân Giao); Biết vâng lời mẹ (Minh Khang)... **Chủ đề Nghề nghiệp - Ngày 22/12**: Đội kèn tý hon (Phan Huỳnh Điểu); Làm chú bộ đội (Hoàng Long); Ba em là công nhân lái xe (Lê Văn Lộc); Cháu yêu cô thợ dệt (Thu Hiền); Đi một hai (Đoàn Phi); Cháu yêu cô chú công nhân (Hoàng Văn Yến)... **Chủ đề Thực vật - Tết và mùa xuân - Ngày 08/3**: Em yêu cây xanh, Mùa xuân (Hoàng Văn Yến); Sắp đến tết rồi (Hoàng Vân); Cây bắp cải (Nhạc Thu Hồng, lời Phạm Hổ); Màu hoa (Hồng Đăng); Quả (Xanh Xanh); Bầu bí (Phạm Tuyên); Quà mồng 08/3 (Hoàng Long); Mùa xuân đến rồi

	(Phạm Thị Sửu)... **Chủ đề Động vật – Ngày 8/3**: Con chim non, Chú gà trống gọi, Ai cũng yêu chú mèo (Kim Hữu); Đàn gà con (Nhạc nước ngoài); Voi làm xiếc (Phan Hiền); Đàn vịt con (Mộng Lân); Gà trống, mèo con và cún con (Thế Vinh); Con chuồn chuồn (Vũ Đình Lê); Con gà trống (Hà Hải); Cá vàng bơi (Tân Huyền), Ngày vui 8/3, Quà 8/3... **Chủ đề Giao thông**: Đường em đi (Nhạc Ngô Quốc Tính, lời Tường Vân); Đèn xanh đèn đỏ (Nhạc Ngô Quốc Tính, lời Thế Hội); Đoàn tàu nhỏ xíu (Mộng Lân); Em đi qua ngã tư đường phố (Hoàng Văn Yến); Em tập lái ô tô (Nguyễn Văn Tý); Em đi chơi thuyền (Trần Viết Tường); Lái ô tô (Đoàn Phi)... **Chủ đề Hiện tượng tự nhiên**: Trên cát (Nhạc Anh, lời Việt: Phan Hương); Trời nắng trời mưa (Đặng Nhất Mai); Mùa hè đến (Nguyễn Thị Nhung); Mây và gió (Minh Quân); Sau mưa (Lương Ngọc Hoàn); Phao bơi;... **Chủ đề Quê hương – Đất nước - Bác Hồ**: Bé em tập nói (Hoàng Long); Quê hương tươi đẹp (Dân ca Nùng, đặt lời Anh Hoàn); Hòa bình cho bé (Huy Trân); Đi thăm Thủ đô (Bùi Anh Tôn); Em mơ gặp Bác Hồ (Xuân Giao)...
MT72. Trẻ vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản	Sử dụng một số kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm đơn giản - Tô màu đèn lồng, bóng bay, đu quay, con đường tới trường... - Tô màu mũ, áo bạn trai, bạn gái; - Tô màu tranh gia đình, tô màu ngôi nhà, vẽ những cuộn len màu... - Tô màu sản phẩm một số nghề, vẽ tô màu bình hoa, - Vẽ hoa quả ngày Tết, vẽ cây ăn quả, tạo hoa bằng dấu vân tay, vẽ tô màu quả cà chua, quả bí xanh... - Vẽ tô màu con gà con, tô màu con hươu cao cổ... - Vẽ ô tô, xe máy, tô màu đèn giao thông - Vẽ mưa, cỏ, cây - Tô màu dây cờ - Tô màu Lăng Bác - Vẽ theo ý thích...
MT73. Trẻ xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản	Sử dụng một số kỹ năng xé, dán để tạo ra sản phẩm đơn giản

	- Xé giấy thành dải - Xé dán tia nắng mặt trời - Xé dán đuôi diều - Xé dán bánh chưng - Dán bập bênh - Dán cái thang - Dán cái cốc - Xé dán quả chuối - Xé dán tán lá cây - Xé dán con sứa - Cắt dán con cá - Dán đèn giao thông - Xé dán chiếc ô che mưa...
MT74. Trẻ lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối	Sử dụng một số kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm đơn giản - Nặn bánh hình tròn - Nặn bánh hình dài - Nặn xà phòng - Nặn quả tròn - Nặn củ cà rốt - Nặn bánh xe - Nặn cái phao bơi...
MT75. Trẻ sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý	Sử dụng các nguyên liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm - Làm tranh, đồ dùng, đồ chơi sáng tạo bằng nguyên vật liệu, tranh tập thể, tranh chủ đề. - Sử dụng nguyên vật liệu thiên nhiên (Lá khô, sỏi, quả khô...), phế liệu (Len, ống hút...) tạo ra sản phẩm theo gợi ý của cô: + Trang trí khăn mùi soa + Làm cái nơ + Làm quà tặng cô, bà, mẹ + Làm quà tặng chú bộ đội + Trang trí thiệp tặng cô + Trang trí mũ chú bộ đội + Trang trí con sao biển + Trang trí chiếc phao + Làm cái thuyền, làm cánh buồm... - Ứng dụng Stem: Tạo hình cây xanh, Làm ô tô từ nguyên vật liệu phế thải
MT76. Trẻ xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản	Sử dụng một số kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản: Xếp nhà, xếp bàn ghế, cầu, đường đi, phương tiện giao thông, hình người...
MT77. Trẻ tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm
MT78. Trẻ vui sướng, chỉ, sờ,	- Nhận xét sản phẩm tạo hình

ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (Về màu sắc, hình dáng…) của các tác phẩm tạo hình	- Bộc lộ cảm xúc khi ngắm nhìn tác phẩm tạo hình - Đặt tên cho sản phẩm của mình
MT79. Trẻ đặt tên cho sản phẩm tạo hình	

NGƯỜI LẬP **HIỆU TRƯỞNG**

Lê Thị Bích Nga **Nguyễn Thị Hội**